TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2020
V/v:*"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Lợi

Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà Triệu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày **20** tháng **02** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 294/2019/TLST–HNGĐ ngày 05/12/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐHPTST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị LTN,** sinh năm 1993.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: xóm Đông, thôn M, xã M, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn: Anh TMY,** sinh năm 1977.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: xóm Giao, thôn M, xã M, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa:

Chị LTN - *Có mặt.*

Anh TMY - *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị LTN trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh TMY kết hôn năm 2017 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh Y tại thôn M, xã M, huyện Chương Mỹ. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2019 và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn nên chị xin ly hôn với anh Y để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh TMY có 01 con chung là cháu TLMK, sinh ngày 31/5/2019. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung vì cháu còn nhỏ. Nếu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập 01 tháng khoảng 7 triệu.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

**** Tại bản tự khai, Bị đơn - Anh TMY trình bày.***

Về hôn nhân: Anh và chị LTN kết hôn năm 2017 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chương Mỹ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh tại thôn M, xã M, huyện Chương Mỹ. Trước đây, giữa anh và chị N cũng đã từng có gia đình, sau đó đều vì hoàn cảnh nên đã ly hôn, anh và chị N đã quyết định đến với nhau để cùng xây dựng gia đình mới. Quá trình chung sống với nhau anh và chị N không có mâu thuẫn gì, anh không chửi bới hay đánh đập chị N. Ngày 29/11/2019, chị N tự ý thu dọn quần áo bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Từ khi chị N bỏ đi, anh cũng thường xuyên gọi điện, đến thăm chị N và thuyết phục chị N quay về nhưng chị N không đồng ý. Nay chị N xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị N vì giữa anh và chị N không có mâu thuẫn gì lớn mà phải dẫn đến ly hôn. Anh mong muốn chị N quay trở về để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị LTN có 01 con chung là cháu TLMK, sinh ngày 31/5/2019. Anh không muốn ly hôn nên anh không đặt ra vấn đề nuôi con chung. Nhưng nếu phải ly hôn và giải quyết phần con chung thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị LTN giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh TMY; chị N giữ nguyên nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu TLMK, sinh ngày 31/5/2019 và không yêu cầu anh Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự: Chị LTN đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, anh TMY chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị LTN và cho chị N được ly hôn anh TMY; *Về con chung:* Đề nghị giao cháu TLMK, sinh ngày 31/5/2019 cho chị LTN nuôi dưỡng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Anh Y không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không xem xét; *Về án phí:* Chị LTN phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh TMY hiện cư trú tại xóm Giao, thôn M, xã M, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của anh TMY: Anh TMY đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và anh Y đã có bản tự khai trình bày quan điểm của mình, nên việc vắng mặt tại phiên tòa của anh Y không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh TMY.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị LTN và anh TMY kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 20/11/2017 nên hôn nhân giữa chị N và anh Y là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị N thì giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên mâu thuẫn, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm Đông, thôn M, xã M, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội từ tháng 11/2019 và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Anh TMY cho rằng quá trình chung sống, 02 vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì, anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc.

Nhận thấy: Chị LTN và anh TMY đã ly thân một thời gian, giữa chị N và anh Y không tự đưa ra được phương án cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy: Tình cảm vợ

chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn đoàn tụ từ hai phía (chị N và anh Y), nay chị N không đồng ý đoàn tụ mà cương quyết xin ly hôn nên cần xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh Y là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N và cho chị N được ly hôn anh Y để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị LTN và anh TMY có 01 con chung là cháu TLMK, sinh ngày 31/5/2019. Hiện cháu K đang sống cùng chị N. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy, cháu TLMK, sinh ngày 31/5/2019 chưa đủ 36 tháng tuổi nên quyền nuôi dưỡng con chung thuộc về người mẹ là chị N nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị N và giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh TMY có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị LTN không yêu cầu anh TMY cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của chị N nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị N. Anh TMY không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Y cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị LTN và anh TMY không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị LTN phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị LTN được ly hôn anh TMY.

2. Về con chung: Chị LTN và anh TMY có 01 con chung là cháu TLMK, sinh ngày 31/5/2019.

Giao cháu TLMK, sinh ngày 31/5/2019 cho chị LTN trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu TLMK đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Anh TMY có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh TMY không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh TMY cho đến khi các bên có yêu cầu.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị LTN phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị LTN đã nộp **300.000** đồng *(theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004409 ngày 04 tháng 12 năm 2019)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Chị LTN có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Anh TMY có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

Nơi nhận:
- *TAND tp Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ,*
- *CC.THADS huyện Chương Mỹ;*
- *UBND xã M, huyện Chương Mỹ*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA/VP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Long